

Bản án số: 67/2019/DS-ST

Ngày: 27-9-2019

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Quang

Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 88/2019/QĐST- DS ngày 10 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn:

Trần Thị T, sinh năm: 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện B, tỉnh B.

- Bị đơn:

1. Cao Thị Kiềm H (Út), sinh năm: 1981 (Có mặt)

2. Đặng Thị Ngọc H, sinh năm: 1998 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện B, tỉnh B.

Chị Đặng Thị Ngọc H ủy quyền cho chị Cao Thị Kiềm H tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền đề ngày 09/8/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2019, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, chị Trần Thị T trình bày:

Ngày 17/02/2018 chị có cho mẹ con chị Cao Thị Kiềm H và Đặng Thị Ngọc H vay số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), vay không ấn định thời hạn, lãi suất 1.000.000 đồng/tháng, có làm giấy mượn tiền do chị H ghi, chị HP, chị H nhận tiền. Số tiền vay này chị HP đã trả cho chị 2.000.000 đồng tiền vốn vay thì ngưng đến nay, trả tiền không có làm giấy tờ, tiền lãi suất không có trả. Chị HP và chị H vay tiền của chị là để về mua bán tôm.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc mẹ con chị HP, chị H liên đới trả cho chị số tiền vay là 38.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, chị T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 26/7/2019 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn chị Cao Thị Kiềm H (Út) cũng là người được chị Đặng Thị Ngọc H ủy quyền trình bày:

Giấy mượn tiền đề ngày 17/02/2018 mà nguyên đơn chị Trần Thị T cung cấp, chị thừa nhận chị và con chị là Đặng Thị Ngọc H có ký nhận vào giấy mượn tiền. Giấy mượn tiền làm 01 bản tại nhà chị T và chị T giữ. Chị thừa nhận chỉ có nợ chị T số tiền vay là 19.000.000 đồng. Giấy mượn tiền ghi mẹ con chị nợ số tiền 40.000.000 đồng là chị T có cộng dồn tiền hụi tính chung. Số tiền 40.000.000 đồng chị đã trả được 8.000.000 đồng tiền vốn gốc và 04 tháng tiền lãi số tiền là 4.000.000 đồng, trả vốn và lãi không có làm giấy tờ. Chị vay tiền chị T để về mua bán tôm, số tiền nợ chị T chỉ có mình chị sử dụng, con chị là H không có sử dụng số tiền này và không liên quan. Chị và chồng chị đã ly hôn cách nay 08 năm. Nay chị T khởi kiện chị yêu cầu trả số tiền vay 40.000.000 đồng, chị không đồng ý, chị thừa nhận hiện nay chị còn nợ chị T số tiền vay là 32.000.000 đồng. Số tiền này chị xin trả dần hằng tháng là 500.000 đồng đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của các đương sự tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chứng cứ nguyên đơn chị Trần Thị T cung cấp và khởi kiện là giấy mượn tiền đề ngày 17/02/2018 (Bút lục số 30). Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị đơn chị Cao Thị Kiềm H cũng là người được chị Đặng Thị Ngọc H ủy quyền thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền là của chị và con chị Đặng Thị Ngọc H. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, chị T không phải chứng minh. Căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 17/02/2018 (Bút lục số 30) thể hiện chị HP và chị H có vay của chị T số tiền là 40.000.000 đồng, mục người mượn tiền thể hiện chữ ký là của chị HP và chị H. Do đó, Hội đồng xét xử xác định chị HP và chị H có vay của chị T số tiền là 40.000.000 đồng là hoàn toàn có thật. Chị HP cho rằng chị chỉ nợ chị T số tiền là 19.000.000 đồng nhưng chị T không thừa nhận và chị HP cũng không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày này của chị là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Số tiền vay 40.000.000 đồng, chị T trình bày chị HP và chị H đã trả cho chị được 2.000.000 đồng tiền vốn, còn nợ lại chị T tiền vốn vay là 38.000.000 đồng đến nay chưa trả. Chị T khởi kiện yêu cầu chị HP và chị H trả chị số tiền nợ vay này là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc chị HP khai có trả được cho chị T số tiền vốn vay là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) nhưng chị HP không có giấy tờ gì chứng minh, chị T không thừa nhận nên lời trình bày này của chị HP là không có căn cứ nên không được chấp nhận để xem xét, giải quyết là phù hợp.

[2] Chị HP cho rằng số tiền vay của nguyên đơn chị T, chị H không có sử dụng, không liên quan, chỉ mình chị HP sử dụng số tiền nợ này nhưng chị HP không có chứng cứ gì để chứng minh, chị T không chấp nhận lời trình bày này của chị HP. Giấy mượn tiền đề ngày 17/02/2018 (Bút lục số 30) thể hiện có chữ ký mượn tiền của chị H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho chị H biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T nhưng chị H không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn chị T. Điều này đã khẳng định chị H đã mặc nhiên thừa nhận chị H và chị HP còn nợ chị T số tiền vay chưa trả là 38.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

[3] Mục đích vay tiền của chị HP, chị H là để mua bán tôm. Do đó, chị HP, chị H phải có trách nhiệm liên đới cùng trả số tiền nợ vay nêu trên cho nguyên đơn chị T là đúng quy định pháp luật tại Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Đơn khởi kiện và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn chị T không có yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ vay nêu trên. Đây là sự tự nguyện của chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xét đến.

[5] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, chị Cao Thị Kiềm H cũng là người được chị Đặng Thị Ngọc H ủy quyền xin trả dần số tiền nợ nêu trên hằng tháng là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) nhưng không được nguyên đơn chị T chấp nhận và pháp luật cũng không quy định cho trả dần nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị HP, chị H phải liên đới chịu án phí số tiền là:

$38.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.900.000 \text{ đồng}$ (Một triệu chín trăm nghìn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 288, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T đòi chị Cao Thị Kiềm H (Út), chị Đặng Thị Ngọc H trả tiền nợ vay.

2. Buộc chị Cao Thị Kiềm H (Út) và chị Đặng Thị Ngọc H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Thị T số tiền nợ vay 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng).

3. Ghi nhận chị Trần Thị T không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ vay nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Chị Cao Thị Kiểm H (Út) và chị Đặng Thị Ngọc H phải liên đới chịu 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho chị Trần Thị T 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003400 ngày 07/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương